

Thứ ba, ngày 2 tháng 6 năm 2020

Vietnam Daily Review

Điều chỉnh nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 03/06/2020		•	
Tuần 1/6-5/6/2020		•	
Tháng 6/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường giao dịch khá rung lắc vào phiên sáng và bắt đầu điều chỉnh vào phiên chiều. Khối ngoại quay trở lại mua ròng trên sàn HSX trong khi bán ròng tại HNX. Dòng tiền đầu tư bắt đầu suy yếu khi chỉ có 6/19 nhóm ngành tăng điểm. Độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tiêu cực, biên độ thị trường không đổi và thanh khoản tăng mạnh cho thấy tâm lý chốt lãi ngắn hạn đang trở lại thị trường khi VN-Index chạm ngưỡng kháng cự 880 điểm. Chỉ số đang kiểm tra lại ngưỡng này và có thể giảm co tại ngưỡng này trong các phiên giao dịch tới.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2012, các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 775 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 02/06/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_1.7%

Phân tích kỹ thuật: PVS_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **-3.87** điểm, đóng cửa **874.80**. HNX-Index **-0.50** điểm, đóng cửa **113.64**.
- Kéo chỉ số tăng: SAB (+0.97); GAS (+0.60); HDB(+0.48); MSN (+0.27); VJC(+0.22).
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-1.24); BID (-1.04); VIC(-0.48); HPG (-0.47); GVR (-0.34)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 6,041 tỷ đồng, tăng +18.0% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 8.2 điểm, gần như không đổi so với phiên trước. Thị trường có 129 mã tăng, 52 mã tham chiếu và 249 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 32.36 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VHM (57.6 tỷ), VCB (35.9 tỷ) và VNM (33.7 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -12.45 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX **874.80**

Giá trị: 6040.75 tỷ

-3.87 (-0.44%)

Khối ngoại (ròng): 32.36 tỷ

HNX-INDEX **113.64**

Giá trị: 703.08 tỷ

-0.5 (-0.44%)

Khối ngoại (ròng): -12.45 tỷ

UPCOM-INDEX **55.98**

Giá trị: 0.53 tỷ

0.39 (0.7%)

Khối ngoại(ròng): 35.97 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	36.3	2.51%
Giá vàng	1,740	0.03%
Tỷ giá USD/VND	23,256	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,892	-0.04%
Tỷ giá JPY/VND	21,585	-0.14%
LS liên NH 1 tháng	1.3%	5.58%
LS TPCP 5 năm	2.1%	-1.99%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VHM	54.6	MSN	47.0
VCB	35.9	DBC	18.9
VNM	33.7	VIC	17.0
CTG	31.5	HSG	14.4
POW	31.2	PVD	14.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH

Vietnam Daily Review

2/6/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_1.7%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	8/24 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Dầu khí	1.7%	3.3%	3.3%	44.8%	-21.7%	-21.7%	25.1%
Corona Avengers	0.7%	2.4%	2.4%	51.1%	-0.5%	-0.5%	22.1%
Ngành Dược	0.5%	0.7%	0.7%	18.6%	-5.1%	-5.1%	18.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.5%	1.9%	1.9%	33.7%	-11.8%	-11.8%	16.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.0%	3.3%	3.3%	39.0%	-3.8%	-3.8%	21.6%
VN FinSelect	-0.1%	3.0%	3.0%	37.5%	-3.8%	-3.8%	20.0%
Xây dựng	-0.1%	1.8%	1.8%	41.0%	-3.3%	-3.3%	19.3%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.4%	0.8%	0.8%	31.6%	-7.5%	-7.5%	15.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.5%	0.9%	0.9%	37.4%	-6.8%	-6.8%	22.5%
Ngân Hàng	-0.6%	3.7%	3.7%	36.9%	-1.6%	-1.6%	23.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.7%	1.4%	1.4%	35.1%	-10.1%	-10.1%	19.4%
FTSE Việt Nam	-0.7%	0.5%	0.5%	29.4%	-7.5%	-7.5%	16.9%
Nước & Năng lượng	-0.8%	0.5%	0.5%	29.1%	-8.4%	-8.4%	16.7%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.8%	0.7%	0.7%	33.2%	-8.1%	-8.1%	17.8%
VN Diamond	-0.9%	1.3%	1.3%	35.6%	-10.7%	-10.7%	19.4%
Vật liệu Xây dựng	-0.9%	-0.5%	-0.5%	44.3%	-2.3%	-2.3%	20.5%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.9%	1.0%	1.0%	42.6%	-8.9%	-8.9%	21.2%
Hàng tiêu dùng	-1.1%	-0.4%	-0.4%	47.7%	-4.8%	-4.8%	19.4%
BDS & Khu công nghiệp	-1.2%	0.9%	0.9%	29.1%	-10.5%	-10.5%	17.9%
Lãi suất giảm	-1.2%	-0.6%	-0.6%	41.8%	-6.5%	-6.5%	19.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-1.2%	1.3%	1.3%	35.9%	5.7%	5.7%	15.6%
Stay-at-home	-1.4%	-0.7%	-0.7%	37.4%	-0.3%	-0.3%	17.2%
Chiến tranh thương mại	-1.5%	0.0%	0.0%	42.1%	-10.0%	-10.0%	18.2%
Bất động sản Khu công nghiệp	-3.3%	-0.2%	-0.2%	7.2%	7.2%	7.2%	25.9%
Mục tiêu	3/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	0.0%	2.6%	2.6%	53.0%	-7.3%	-7.3%	20.9%
M31	-0.3%	1.8%	1.8%	36.2%	-7.0%	-7.0%	21.0%
L11	-0.4%	0.9%	0.9%	30.5%	-9.6%	-9.6%	17.3%
S11	-0.5%	0.7%	0.7%	27.0%	-2.9%	-2.9%	19.0%
L22	-0.6%	0.4%	0.4%	40.8%	-7.7%	-7.7%	19.6%
M12	-0.6%	0.8%	0.8%	32.7%	-5.3%	-5.3%	19.9%
M22	-0.6%	0.6%	0.6%	38.7%	-2.5%	-2.5%	18.9%
S32	-0.8%	1.3%	1.3%	47.4%	-13.5%	-13.5%	22.3%
S21	-1.0%	0.3%	0.3%	37.7%	-6.8%	-6.8%	19.9%
Khẩu vị Rủi ro	1/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
MID1	-0.1%	1.1%	1.1%	37.2%	-1.2%	-1.2%	17.5%
LOW1	-0.9%	0.7%	0.7%	28.9%	-4.9%	-4.9%	17.1%
HIGH3	-1.5%	0.6%	0.6%	40.4%	0.1%	0.1%	18.9%
INDEX							
VNINDEX	-0.4%	1.2%	1.2%	32.0%	-9.0%	-9.0%	16.8%
VN30INDEX	-0.3%	1.5%	1.5%	34.0%	-6.9%	-6.9%	17.4%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	24	8	16	10	14	10	14
Mục tiêu	9	3	6	3	6	3	6
Rủi ro	3	1	2	0	3	0	3

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

PVS_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: PVS đang nằm trong nhịp tích lũy ngắn hạn trong vùng giá 12-13. Thanh khoản cổ phiếu tăng mạnh vượt ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI ủng hộ nhịp tăng giá trong khi chỉ báo MACD đang báo hiệu xu hướng khởi đầu của vùng giá giao dịch. Đường giá cổ phiếu cũng đã vượt lên dải mây Ichimoku cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, PVS có thể sẽ kiểm tra lại ngưỡng kháng cự 18.0 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

GVR_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

PC1_Tăng giá

[Link](#)

CTI_Xu hướng tăng

[Link](#)

VNM_Hưng phấn

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 02/06

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	35.46	0.06%	3.20%	62.30%	-32.19%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	38.48	0.42%	4.70%	37.10%	-35.50%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	107.05	0.36%	0.50%	32.50%	-35.95%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1739.37	-0.01%	1.70%	2.30%	29.64%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.19	-0.60%	6.20%	21.50%	22.28%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	840.25	-0.03%	-0.80%	-1.80%	-10.56%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	515.00	-0.05%	1.60%	-1.80%	-7.21%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.00	0.16%	8.40%	52.70%	14.39%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	144.99	1.09%	0.90%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.00	0.82%	0.60%	10.90%	-19.12%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	98.30	2.08%	-5.10%	-6.60%	-16.48%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	5484.00	2.00%	3.70%	5.00%	-6.13%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	503.59	0.26%	2.60%	7.90%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1537.00	-0.71%	2.00%	2.20%	-13.51%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	105.79	-0.33%	6.80%	25.00%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	56.30	2.55%	-0.40%	4.50%	-30.11%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 8 tăng 48 US cent (1.3%) lên 38.32 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 7 giảm 5 US cent (0.1%) xuống 35.44 USD/thùng.
- Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và Nga (OPEC+) đang tiến sát một thỏa thuận về việc kéo dài thời gian cắt giảm sản lượng dầu thô, theo đó hai bên đang bàn bạc việc tiếp tục kiểm chế sản xuất thêm 1-2 tháng nữa. Tồn trữ dầu tại Cushing, Oklahoma (Mỹ) đã giảm xuống còn 54.3 triệu thùng trong tuần tính đến 29/5
- Tuy nhiên, các nhà đầu tư vẫn thận trọng rút tiền vào thị trường dầu sau khi Trung Quốc cảnh báo sẽ trả đũa việc Mỹ can thiệp vào vấn đề Hongkong, vì nếu căng thẳng giữa 2 bên gia tăng hơn nữa sẽ gây rủi ro lớn cho thành quả giá dầu tăng trong thời gian gần đây, vì nhu cầu dầu có cải thiện nhưng không đáng kể. Thông tin từ các nhà máy lọc dầu châu Á và Âu cho thấy họ vẫn tiếp tục gặp khó do chính sách giãn cách xã hội.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.6% lên 1,736.4 USD/ounce. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 8 giảm 0.1% xuống 1,750.3 USD/ounce.
- Giá vàng tăng nhẹ trong phiên vừa qua giữa bối cảnh căng thẳng Mỹ - Trung leo thang và các cuộc biểu tình chống phân biệt chủng tộc lan rộng ở Mỹ.

Giá sắt thép

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên tăng 3.2%, sau khi đã tăng 20.1% trong tháng 5/2020.
- Tại Brazil, số ca nhiễm virus SARS-CoV-2 hiện cao thứ 2 trên thế giới sau Mỹ. Điều đó có thể sẽ buộc các công ty khai thác mỏ hoặc các chính quyền địa phương phải áp dụng thêm các biện pháp giãn cách xã hội chặt chẽ hơn, từ đó sẽ khiến cho công suất sản xuất bị hạn chế, thậm chí các mỏ phải đóng cửa.
- Tồn trữ thép tại Trung Quốc đã giảm kể từ giữa tháng 3 vừa qua, kích lệ các nhà sản xuất thép đẩy tăng sản lượng, kéo nhu cầu cũng như giá quặng sắt tăng theo. Lượng quặng sắt lưu tại kho bãi của các cảng biển Trung Quốc hiện ở mức 109.5 triệu tấn, thấp nhất kể từ tháng 11/2016

Giá cao su

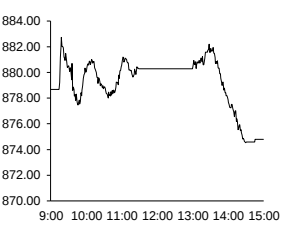
- Hợp đồng cao su trên sàn giao dịch hàng hóa Tokyo kỳ hạn tháng 11 đóng cửa tăng lên 154.3 JPY (1.4 USD)/kg. Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch Thượng Hải tăng 110 CNY lên 10,315 CNY (1,447 USD)/tấn. Các nhà đầu tư đang tập trung sự chú ý vào tiến trình hồi phục kinh tế thế giới khi ngày càng nhiều quốc gia dần mở cửa nền kinh tế trở lại.
- Đồng yen yếu đi cũng góp phần hỗ trợ giá cao su tại Tokyo. 1 USD đổi được 107.49 JPY trong phiên vừa qua, so với 107.10 JPY trong ngày thứ 6 (29/5).

Giá nông sản

- Đường thô kỳ hạn tháng 7 tăng 9 US cent (0.8%) lên 11 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 2.6 USD (0.7%) lên 364.8 USD/tấn.
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 7 đóng cửa tăng 2 US cent (2.1%) lên 98.3 US cent/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 7 giảm 10 USD (0.9%) xuống 1,159 USD/tấn.

Hình 1

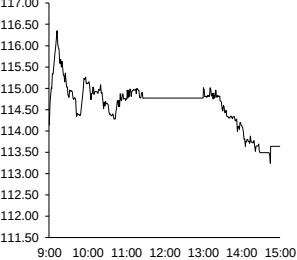
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

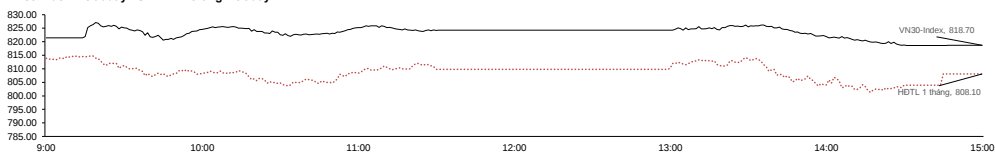
Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	-2.33%
Tài nguyên Cơ bản	-1.87%
Dịch vụ tài chính	-1.28%
Bán lẻ	-1.10%
Bảo hiểm	-1.09%
Bất động sản	-0.97%
Xây dựng và Vật liệu	-0.76%
Truyền thông	-0.71%
Công nghệ Thông tin	-0.54%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.53%
Ngân hàng	-0.48%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.28%
Viễn thông	0.00%
Du lịch và Giải trí	0.32%
Y tế	0.46%
Thực phẩm và đồ uống	0.57%
Dầu khí	0.59%
Ô tô và phụ tùng	0.77%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.78%

Nguồn: FiinPro

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4 Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2006	808.10	-0.36%	-10.60	39.5%	205,836	6/18/2020	18
VN30F2007	794.60	-0.55%	-24.10	3.6%	860	7/16/2020	46
VN30F2009	779.00	-0.40%	-39.70	15.7%	221	9/17/2020	109
VN30F2012	779.90	0.05%	-38.80	231.6%	315	12/17/2020	200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm -2.77 điểm xuống mức 818.70 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, VPB, VHM, STB, và TCB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch trong phiên hôm nay vận động tích lũy dưới 825 điểm, sau đó giảm mạnh cuối phiên chiều xuống dưới mức 820 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức cao, VN30 có thể vận động tăng lên 840 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Ngoại trừ VN30F2012, các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2007, các hợp đồng đều tăng. Xét về tỷ lệ mở, ngoại trừ VN30F2007, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu nhịp điều chỉnh giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 775 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CHDB2003	KIS	12/16/2020	197	2:1	239.130	199.5%	2.0 triệu	38.16%	2.700	1.500	28.21%	707.70	2.12
CMSN2004	MBS	9/4/2020	94	5:1	145.260	348.9%	1.5 triệu	33.12%	1.980	2.590	7.47%	2.089.60	1.24
CMSN2001	KIS	12/16/2020	197	5:1	126.140	622.0%	2.0 triệu	33.12%	2.300	2.070	1.47%	1.217.40	1.70
CMBB2002	SSI	8/10/2020	69	1:1	201.660	0.0%	3.0 triệu	33.30%	1.300	1.600	0.00%	1.062.00	1.51
CTCB2004	MBS	8/18/2020	77	2:1	353.090	98.6%	2.0 triệu	35.56%	1.050	2.380	-0.42%	2.216.30	1.07
CVPB2005	MBS	8/18/2020	77	2:1	231.320	-5.8%	2.0 triệu	42.82%	1.510	2.750	-1.08%	2.534.50	1.09
CFPT2003	SSI	11/9/2020	160	1:1	30.590	7.3%	2.0 triệu	32.38%	7.300	11.460	-1.46%	9.005.80	1.27
CVNM2003	MBS	9/4/2020	94	10:1	164.870	-4.3%	3.0 triệu	30.05%	1.450	2.580	-1.53%	2.365.10	1.09
CMBB2003	SSI	11/9/2020	160	1:1	96.740	8.2%	3.0 triệu	33.30%	2.000	2.510	-1.57%	1.698.50	1.48
CFPT2005	VND	7/1/2020	29	1:1	51.800	267.1%	1.0 triệu	32.38%	2.900	8.030	-3.49%	7.525.50	1.07
CSTB2002	KIS	12/16/2020	197	1:1	258.010	-9.5%	3.0 triệu	38.74%	1.700	1.570	-3.68%	779.70	2.01
CNVL2001	KIS	12/16/2020	197	4:1	355.880	-12.8%	2.0 triệu	16.98%	2.300	1.170	-4.10%	73.60	15.90
CHPG2005	VND	10/1/2020	121	1:1	81.520	87.8%	2.0 triệu	35.02%	2.100	8.320	-5.35%	8.406.60	0.99
CSTB2003	KIS	9/16/2020	106	1:1	390.900	17.5%	3.0 triệu	38.74%	1.360	1.330	-5.67%	681.20	1.95
CVHM2001	KIS	12/16/2020	197	5:1	289.290	29.4%	2.0 triệu	34.78%	3.100	1.580	-8.14%	654.50	2.41
CHPG2002	KIS	12/16/2020	197	2:1	357.920	454.6%	3.0 triệu	35.02%	1.700	1.740	-8.90%	958.00	1.82
CVPB2001	HSC	6/22/2020	20	2:1	419.510	379.4%	5.0 triệu	42.82%	1.500	1.950	-10.14%	2.088.60	0.93
CSTB2001	KIS	6/19/2020	17	1:1	887.250	24.6%	5.0 triệu	38.74%	1.500	310	-11.43%	169.60	1.83
CDPM2002	KIS	12/16/2020	197	1:1	164.140	1428.3%	2.0 triệu	39.44%	1.700	2.510	-14.92%	1.462.70	1.72
CHPG2004	SSI	6/15/2020	13	1:1	117.260	122.5%	5.0 triệu	35.02%	2.800	3.610	-16.24%	3.599.00	1.00
Tổng:					4,962,280			53.50 triệu	34.97%**				
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất								
					CR: Tỷ lệ chuyển đổi								
					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn								
					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes								

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 02/06/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng mạnh.

• Về giá, CMBB2005 tăng mạnh 10.83%. Trái lại, CHPG2007 và CHPG2006 giảm mạnh lần lượt là -11.44% và -8.84%. Giá trị giao dịch tăng 48.57%. CVPB2001 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.89% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG, MBB, TCB, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhqa@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HDB	26.65	6.81	1.51
MSN	63.90	1.27	0.49
SAB	183.00	2.98	0.49
VJC	114.70	1.24	0.48
EIB	17.60	0.86	0.21

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	27.1	-2.17	-1.30
VPB	24.1	-1.83	-1.01
VHM	77.8	-1.64	-0.66
STB	10.5	-2.33	-0.59
TCB	21.2	-0.70	-0.45

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CHDB2003	37,523	32,123	26,650
CMSN2004	64,900	55,000	63,900
CMSN2001	77,289	65,789	63,900
CMBB2002	19,300	18,000	17,900
CTCB2004	19,100	17,000	21,150
CVPB2005	22,520	19,500	24,100
CFPT2003	57,300	50,000	48,000
CVNM2003	108,500	94,000	116,000
CMBB2003	20,000	18,000	17,900
CFPT2005	51,900	49,000	48,000
CSTB2002	13,588	11,888	10,500
CNVL2001	75,088	65,888	54,200
CHPG2005	21,100	19,000	27,050
CSTB2003	12,471	11,111	10,500
CVHM2001	110,067	94,567	77,800
CHPG2002	33,399	29,999	27,050
CVPB2001	23,000	20,000	24,100
CSTB2001	12,499	10,999	10,500
CDPM2002	16,952	15,252	14,400
CHPG2004	26,300	23,500	27,050

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	85.3	-0.8%	1.3	1,679	4.2	8,808	9.7	2.9	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	63.2	-1.1%	1.3	619	1.6	5,248	12.0	2.9	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	49.9	-1.6%	1.3	1,611	2.5	1,307	38.2	1.9	28.4%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.6	-0.6%	0.5	297	0.0	2,092	14.6	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	96.7	-0.5%	0.8	14,221	2.1	2,095	46.2	4.0	14.0%	10.6%
VRE	Bất động sản	27.6	-0.7%	1.1	2,727	3.5	1,226	22.5	2.3	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	54.2	-1.5%	0.8	2,285	2.8	3,584	15.1	2.3	5.9%	16.3%
REE	Bất động sản	31.7	-0.2%	0.8	427	0.6	4,976	6.4	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.4	0.4%	1.4	257	2.5	2,289	5.0	0.8	40.0%	15.9%
SSI	Chứng khoán	15.1	-1.0%	1.3	393	4.0	1,415	10.6	0.8	50.4%	7.8%
VCI	Chứng khoán	23.8	1.1%	1.0	170	1.2	4,240	5.6	1.0	29.4%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.1	-2.3%	1.8	253	1.7	1,480	12.9	1.3	53.5%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.0	-0.6%	0.8	1,636	3.0	4,804	10.0	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	49.1	-1.6%	0.4	531	0.0	4,812	10.2	2.6	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	76.4	1.5%	1.5	6,358	4.8	5,820	13.1	2.9	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.4	0.2%	1.5	2,402	2.6	869	53.4	2.9	13.3%	5.7%
PVS	Dầu khí	13.1	2.3%	1.5	272	8.0	1,238	10.6	0.5	12.7%	4.8%
BSR	Dầu khí	6.6	4.8%	0.8	890	3.6	898	7.3	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	94.0	1.3%	0.5	534	0.1	5,046	18.6	3.5	54.4%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.4	-4.3%	0.5	245	2.8	1,006	14.3	0.7	12.3%	5.4%
DCM	Hóa chất	8.3	-3.1%	0.5	190	1.0	415	19.9	0.7	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	86.6	0.1%	1.1	13,965	3.8	4,848	17.9	3.8	23.8%	22.8%
BID	Ngân hàng	40.6	-2.2%	1.4	7,091	2.7	2,140	18.9	2.1	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	23.5	-0.2%	1.2	3,796	9.9	2,510	9.3	1.1	29.7%	12.6%
VPB	Ngân hàng	24.1	-1.8%	1.2	2,554	6.3	3,750	6.4	1.3	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.9	0.3%	1.1	1,877	11.0	3,398	5.3	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	24.8	-1.2%	1.0	1,793	12.1	3,780	6.6	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	47.5	-0.2%	0.9	169	0.3	5,303	9.0	1.5	80.1%	17.0%
NTP	Nhựa	36.2	0.0%	0.4	155	0.1	4,208	8.6	1.4	18.7%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.0	0.0%	0.5	645	0.0	356	42.1	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	27.1	-2.2%	1.1	3,247	13.6	2,764	9.8	1.5	36.4%	17.4%
HSG	Thép	9.8	-3.0%	1.5	189	5.8	1,491	6.6	0.7	16.2%	11.3%
VNM	Tiêu dùng	116.0	-0.1%	0.7	8,783	4.5	5,453	21.3	6.7	58.8%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	183.0	3.0%	0.8	5,102	1.1	6,719	27.2	6.8	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	63.9	1.3%	1.0	3,248	11.8	3,961	16.1	1.8	39.4%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	15.0	-0.3%	0.8	381	1.5	171	87.6	1.2	5.9%	1.5%
ACV	Vận tải	60.1	1.2%	0.8	5,689	1.1	3,450	17.4	3.6	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	114.7	1.2%	1.1	2,612	2.9	7,110	16.1	4.0	18.5%	26.3%
HVN	Vận tải	27.5	-0.9%	1.7	1,693	1.1	1,654	16.6	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.2	-2.5%	0.9	248	0.4	1,583	12.1	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	11.2	2.3%	1.1	137	1.2	2,117	5.3	0.7	24.8%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	66.8	-0.3%	0.9	451	1.1	9,201	7.3	3.1	2.6%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.9	0.5%	0.8	368	0.1	1,453	13.0	1.3	9.9%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.6	-1.4%	1.0	241	0.2	1,938	7.5	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	71.9	-7.0%	1.1	238	2.7	8,032	9.0	0.6	46.6%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.1	0.0%	0.4	482	0.1	1,498	16.8	1.6	0.5%	10.0%
CII	Xây dựng	19.2	-1.3%	0.4	199	1.2	1,775	10.8	0.9	43.8%	8.5%
POW	Điện	10.5	0.5%	0.6	1,069	3.9	1,028	10.2	0.9	11.4%	9.4%
NT2	Điện	21.2	-0.9%	0.5	265	0.3	2,543	8.3	1.4	17.9%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SAB	183.00	2.98	0.97	144460.00
GAS	76.40	1.46	0.60	1.45MLN
HDB	26.65	6.81	0.48	2.24MLN
MSN	63.90	1.27	0.27	4.19MLN
VJC	114.70	1.24	0.22	593950.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-1.25	2.64MLN	1.11MLN
BID	0.00	-1.04	1.50MLN	607060.00
VIC	0.00	-0.48	501700.00	373600.00
HPG	0.00	-0.47	11.49MLN	192700.00
GVR	0.00	-0.34	1.40MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NAV	19.20	6.96	0.00	200.00
PXT	1.23	6.96	0.00	310820.00
EMC	11.55	6.94	0.00	5460.00
VNE	5.24	6.94	0.01	886790.00
VID	5.86	6.93	0.00	61700.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DIC	1.86	-7.00	0.00	893060.00
TEG	5.32	-6.99	0.00	57510.00
CTD	71.90	-6.99	-0.12	844250.00
OGC	3.60	-6.98	-0.02	4.84MLN
DHM	7.21	-6.97	-0.01	58200.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	19.50	6.56	0.18	155200.00
NVB	8.50	4.94	0.16	2.80MLN
PVS	13.10	2.34	0.07	14.00MLN
TAR	25.00	9.65	0.04	1.32MLN
DL1	14.90	6.43	0.04	100.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

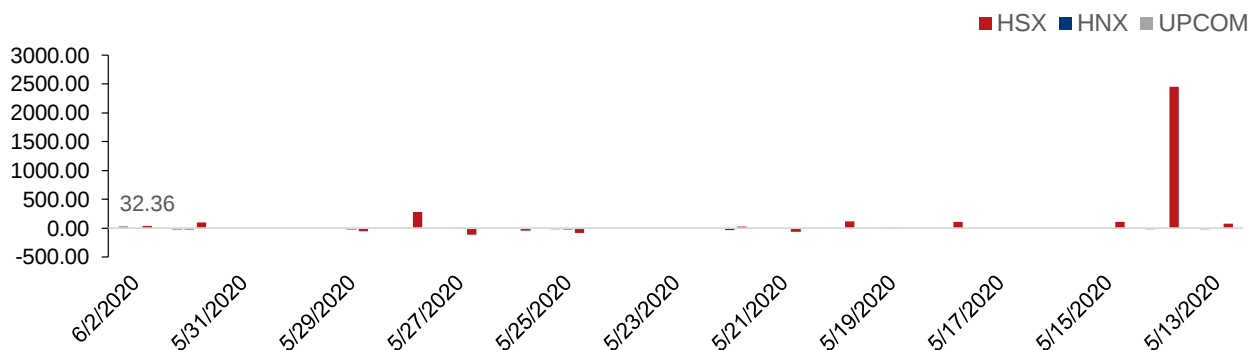
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.80	-1.20	-0.48	10.93MLN
SHB	14.00	-0.71	-0.13	4.77MLN
TVC	30.00	-6.25	-0.06	638600.00
HUT	2.20	-8.33	-0.05	8.39MLN
PGS	15.70	-4.85	-0.03	80100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CTP	3.30	10.0	0.00	87600.00
MBG	6.60	10.0	0.03	3.14MLN
TAR	25.00	9.7	0.04	1.32MLN
VNC	33.00	9.6	0.01	100.00
VC1	12.70	9.5	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTW	32.40	-10.00	-0.01	2100.00
GMX	21.60	-10.00	-0.01	100.00
HCT	9.00	-10.00	0.00	1500.00
VE3	5.40	-10.00	0.00	500.00
INC	8.30	-9.78	0.00	100.00



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
4	BSC_Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
6	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
8	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
12	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
13	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
18	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
20	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Sản xuất	Theo dõi	27/05/2020	40.0	44.2	43.2	5,479	7.9	2.2	Click
2	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	21.0	1,140	18.4	1.8	Click
3	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.1	2,764	9.8	1.5	Click
4	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	21.2	2,987	7.1	1.2	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	63.2	5,248	12.0	2.9	Click
6	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	133.7	5,718	23.4	8.2	Click
7	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.4	2,289	5.0	0.8	Click
8	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	16.4	1,496	11.0	1.0	Click
9	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	28.3	7,637	3.7	1.3	Click
10	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	23.2	5,311	4.4	1.1	Click
11	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	26.2	4,465	5.9	1.1	Click
12	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	86.6	4,848	17.9	3.8	Click
13	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	24.8	3,780	6.6	1.4	Click
14	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	33.9	6,553	5.2	1.2	Click
15	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	51.1	3,887	13.1	2.6	Click
16	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.0	4,804	10.0	2.2	Click
17	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.2	1,583	12.1	1.0	Click
18	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	14.2	1,880	7.5	0.7	Click
19	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	183.0	6,719	27.2	6.8	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	22.3	1,780	12.5	1.6	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HDTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express GVR 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch 2020. Doanh thu đạt 24.647 tỷ đồng (+7.76% yoy), LNTT đạt 4.961 tỷ đồng (+6.57%yoy) trong đó Tổng sản lượng khai thác từ 360.000 tấn trở lên, tăng 8,66% so với năm 2019; thu mua 73.000 tấn, sản lượng tiêu thụ kế hoạch 433.000 tấn, tăng 4,79% so với năm 2019. Lĩnh vực kinh doanh chiếm tỷ trọng doanh thu cao nhất là kinh doanh mỏ cao su bị sụt giảm mạnh do giá bán cao su vẫn còn rất thấp; khối sản phẩm gỗ và công nghiệp cao su đang chịu áp lực cạnh tranh; khối khu công nghiệp chưa có tín hiệu rõ ràng về cơ chế thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; đặc biệt là ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Một số thông tin khác. Theo phê duyệt của tỉnh Đồng Nai, GVR sẽ chuyển nhượng khoảng 1.800 ha trong dự án thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ, tái định cư Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành trong khoảng trước tháng 10/2020, với giá đền bù 475 triệu đồng/ha (chưa bao gồm cây cao su). KQKD quý 1.2020. Doanh thu thuần đạt gần 121 tỷ đồng cao gấp 2,5 lần cùng kỳ đến chủ yếu từ 103 tỷ đồng doanh thu cho thuê khoảng 9ha đất KCN và phí quản lý khoảng và hơn 15 tỷ đồng doanh thu hoạt động khu dịch vụ thể dục thể thao, LNST đạt 53.6 tỷ đồng (gấp 2.89 lần cùng kỳ), lần lượt hoàn thành được 32% kế hoạch doanh thu và 47% kế hoạch LNST, biến LNG ổn định duy trì ở mức 53%. Kế hoạch 2020. Doanh thu 371 tỷ đồng, LNST 115.4 tỷ đồng trong đó (1) KCN: ký thuê 23ha, ký MOU 50ha, doanh thu cho thuê đất KCN, thuê nhà xưởng, phí quản lý và dịch vụ 282 tỷ, trong đó thuê đất KCN, nhà xưởng, phí quản lý khoảng 278 tỷ đồng. (2) BOT: dự kiến 64.5 tỷ đồng (3) Tư vấn giám sát: 3.5 tỷ đồng, sân golf 5.5 tỷ đồng (cho thuê sân tập) (4) BĐS dân dụng: 5 tỷ.
Express SZC 2020Q2	5/5/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả Q1/2020: Doanh thu đạt 1,600 tỷ (-14%yoy), lợi nhuận sau thuế đạt 114.6 tỷ (-34.5%yoy). Nguyên nhân đến từ (1) sản lượng vận tải dầu thô và dầu sản phẩm từ Dung Quất và Nghi Sơn giảm do cầu yếu, tồn kho nhiều và (2) giá dầu giảm mạnh => giá cước tàu dầu thô chạy nội địa giảm để hỗ trợ các nhà máy lọc dầu. Với giả định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy). Với giả định (1) giá dầu trung bình năm 2020 ở mức 48.5\$/thùng (-24%yoy – tương đương 50% mức giảm từ trường hợp xấu nhất) và (2) nhà máy lọc dầu Dung Quất và Nghi Sơn hoạt động ở mức công suất 90%, BSC ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của PVT lần lượt đạt 6,860 tỷ (-11%yoy) và 632 tỷ (-23%yoy). Trong trường hợp xấu nhất, nhu cầu dầu thấp khiến giá dầu ở mức 33\$/thùng và Dung Quất cùng Nghi Sơn chỉ hoạt động với công suất 70%, chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế cả năm của PVT đạt 6.1 nghìn tỷ (-20%yoy) và LNST đạt 493 tỷ (-39%yoy – không tính thanh lý tàu) – tương đương điều chỉnh giảm 13.5% và 42% so với dự phóng đầu năm. Chúng tôi sẽ tiến hành đánh giá lại khi có số liệu đầy đủ và chính xác hơn. Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3.
Express HPG 2020Q2	4/28/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.
Express PVT 2020Q2	4/27/2020	Kế hoạch kinh doanh: Tổng doanh thu đạt 6,200 tỷ (-20%yoy), LNST đạt 433 tỷ (-48%yoy). Dự kiến chia cổ tức 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% vào quý 3. Kết quả kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.
Express DGC 2020Q2	21/4/2020	Kế hoạch kinh doanh năm 2020 DGC đặt kế hoạch doanh thu 6,085 tỷ (+19.5% YoY) và lợi nhuận sau thuế 600 tỷ (+4.9% YoY). Kết quả kinh doanh Quý 1 DGC ghi nhận doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 1,520 tỷ (+30.6% YoY) và 199.5 tỷ (+66.3% YoY). Biên lợi nhuận gộp đạt 20.1%, tăng mạnh từ mức 16.9% cùng kỳ. Công ty cho biết trong quý 1 năm 2020 sản lượng tăng 30.1% (chủ yếu ở sản phẩm phốt pho và phân bón), như vậy, giá bán bình quân tiếp tục đi ngang. Việc biên lợi nhuận gộp tăng mạnh BSC cho rằng nhờ giảm chi phí đầu vào: Giá than cốc (chiếm ~10% COGS) giảm 10.3% YoY. DGC cho biết việc vận chuyển hàng hóa vẫn diễn ra bình thường trong quý 1 năm 2020. Thuế xuất khẩu mặt hàng Phốt pho Bộ Tài chính quyết định giữ nguyên mức thuế xuất khẩu với Phốt pho vàng là 5% sau khi tỉnh Lào Cai đề xuất tăng lên mức 20%.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chép hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn

Cộng Trại

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyễn

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn